

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/2/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08/4/2014 của Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2891/TTr-SNV ngày 13/11/2017 và Tờ trình số 57/TTr-SNV ngày 09/01/2018 về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội gồm 6 chương, 29 Điều.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày **05** tháng **03** năm **2018** và thay thế Quyết định số 6661/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội, Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội và Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND ngày 23/8/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội, Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Doãn Toàn;
- Sở Tư pháp Hà Nội;
- VPUBNDTP: PCVP P.C.Công, T.V.Dũng;
- Các phòng: NC, KT, TKBT, TH; ✓
- Công giao tiếp điện tử Thành phố;
- Trung tâm Tin học-Công báo Thành phố;
- Lưu: VT, NC_(B), SNV.

(46096) 50

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH ✓



Nguyễn Đức Chung

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06 /2018/QĐ-UBND ngày 21 /02/2018
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sau đây gọi tắt là Điều lệ) của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quỹ Đầu tư), những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "**Vốn điều lệ**" là mức vốn quy định tại Điều lệ.
2. "**Vốn điều lệ thực có**" là số vốn điều lệ được phản ánh trên sổ kế toán của Quỹ Đầu tư.
3. "**Người có liên quan**" là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.
4. "**Vốn hoạt động**" là tổng số vốn chủ sở hữu, vốn huy động tại một thời điểm.
5. "**Đầu tư**" là việc Quỹ Đầu tư sử dụng vốn hoạt động để đầu tư vào các dự án theo quy định. Trong đó, Quỹ Đầu tư có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.
6. "**Cho vay hợp vốn**" là việc Quỹ Đầu tư và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ Đầu tư hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.
7. "**Vốn chủ sở hữu**" gồm tổng vốn điều lệ thực có, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, các nguồn vốn hợp pháp khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.
8. "**Góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế**" là việc Quỹ Đầu tư góp vốn với các nhà đầu tư khác để thành lập các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nhằm thực hiện hoạt động đầu tư vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
9. "**Nhận ủy thác**" là việc Quỹ Đầu tư thực hiện quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư, thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư; quản lý hoạt động của các Quỹ tài chính Nhà nước trên địa bàn Thành phố và phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

10. "**Phí nhận ủy thác**" là một khoản thu mà Quỹ Đầu tư được hưởng khi thực hiện các nhiệm vụ nhận ủy thác.

11. "**Ủy thác**" là việc Quỹ Đầu tư thỏa thuận với bên nhận ủy thác (các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Phát triển Việt Nam) thông qua hợp đồng ủy thác để thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án tại Quỹ Đầu tư.

12. "**Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội**" là dự án đầu tư vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 37/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

Những từ ngữ khác trong Điều lệ chưa được giải thích, sẽ được áp dụng theo cách giải thích tương tự trong các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư

1. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội là tổ chức tài chính nhà nước, được tổ chức lại theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 21/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là UBND Thành phố), nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay, đầu tư vào dự án, doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội.

2. Vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư là 5.000 tỷ đồng (Năm nghìn tỷ đồng). Căn cứ vào nhiệm vụ và hoạt động thực tế, vốn điều lệ được bổ sung cho phù hợp.

3. Tên gọi của Quỹ Đầu tư:

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội.

b) Tên viết tắt: HANIF

c) Tên giao dịch quốc tế: Hanoi Investment Fund for Development.

4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, ngõ Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Cơ sở 2: Khu văn phòng tầng 2 - CT13A, khu đô thị Nam Thăng Long, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội;

- Cơ sở 3: Khu văn phòng tầng 2 - CT14A1, khu đô thị Nam Thăng Long, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

5. Điện thoại, fax, trang điện tử:

a) Điện thoại: (024) 39335469

b) Fax: (024) 39335470

c) Trang điện tử: quydautuphat trien.hanoi.gov.vn

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ Đầu tư là tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc UBND thành phố Hà Nội, thực hiện chức năng đầu tư phát triển, đầu tư tài chính theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP/138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của

Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Quỹ Đầu tư có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ Đầu tư là Tổng Giám đốc.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ Đầu tư hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ Đầu tư chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ Đầu tư.

Điều 5. Tổ chức bộ máy

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ Đầu tư bao gồm:

a) Hội đồng quản lý (sau đây viết tắt là HĐQT) gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên;

b) Ban Kiểm soát gồm: Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên;

c) Bộ máy điều hành gồm: Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và các Phòng, Ban nghiệp vụ;

2. Việc thay đổi lại cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ Đầu tư do UBND Thành phố và HĐQT quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

Điều 6. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ Đầu tư hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Quỹ Đầu tư hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

1. Thực hiện các quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Thực hiện các quyền, trách nhiệm quy định tại Điều lệ này, gồm:

a) Phê duyệt chiến lược hoạt động dài hạn, kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ Đầu tư;

b) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc tổ chức lại, giải thể Quỹ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

c) Phê duyệt các dự án cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố quy định tại Điều 10, Điều 13 và Điều 22 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP hoặc mức thấp hơn theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố và được quy định cụ thể tại Điều lệ này;

d) Quyết định cho vay đối với các dự án có thời hạn cho vay trên 15 năm theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP

đ) Xem xét chấp thuận việc cho vay hợp vốn đối với trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

e) Quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP;

g) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

h) Phê duyệt quy chế tuyển dụng lao động; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng hoặc các chức danh khác theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố;

i) Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ Đầu tư theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn;

k) Phê duyệt kết quả đánh giá xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ Đầu tư;

l) Chấp thuận mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn chênh lệch thu chi của Quỹ Đầu tư theo đề nghị của HĐQT Quỹ;

m) Chấp thuận báo cáo tài chính và quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ;

n) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư.

2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ Đầu tư trong phạm vi số vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư và lãi suất UBND Thành phố chỉ định cho vay,

nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ Đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ Đầu tư.

4. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho Quỹ Đầu tư đối với các dự án do UBND Thành phố quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 9. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Đầu tư

1. Hoạt động huy động vốn: Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Hoạt động đầu tư trực tiếp: Quỹ được đầu tư trực tiếp vào các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Ủy ban nhân dân cấp Thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

3. Hoạt động cho vay: Quỹ được cho vay, cho vay hợp vốn đối với các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

4. Hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp: Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

5. Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác:

5.1. Quỹ được nhận ủy thác theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP bao gồm:

a) Nhận ủy thác của UBND Thành phố quản lý nguồn vốn và hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thực hiện các hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể: Cho vay các hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định; Hỗ trợ sau đầu tư, tài trợ, đồng tài trợ các chương

trình, phương án bảo vệ môi trường; Nhận ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với các hoạt động khai thác khoáng sản theo các quyết định của cơ quan thẩm quyền;

- Thực hiện các hoạt động của Quỹ Phát triển đất theo quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể: Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch; Ứng vốn để xây dựng khu tái định cư, xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi.

- Thực hiện các hoạt động của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể: Tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ Thành phố.

b) Nhận ủy thác của các tổ chức, cá nhân khác.

5.2. Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ vay theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

6. Hoạt động huy động vốn cho ngân sách địa phương: Quỹ tổ chức, thu xếp việc huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật, bao gồm cả phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao để phục vụ phát triển kinh tế, xã hội tại Thành phố nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 138/NĐ-CP và Nghị định số 37/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư và các văn bản pháp luật có liên quan

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ Đầu tư

1. Trách nhiệm của Quỹ Đầu tư:

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 33 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP Quỹ Đầu tư có các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này;

b) Quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro;

c) Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ Đầu tư đối với các khoản vốn mà Quỹ Đầu tư đã huy động từ các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn của Quỹ Đầu tư:

Ngoài quyền hạn quy định tại Điều 34 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP Quỹ Đầu tư có các quyền hạn sau:

a) Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ Đầu tư;

b) Được tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này;

c) Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này;

d) Được lựa chọn các dự án có hiệu quả thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP để quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thực hiện cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quyết định của UBND Thành phố thì UBND Thành phố chịu trách nhiệm về quyết định của mình (bao gồm cả việc cấp bù chênh lệch lãi suất, cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP) để đảm bảo nguyên tắc, nguồn vốn hoạt động của Quỹ

đ) Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án;

e) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ Đầu tư cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; định giá tài sản bảo đảm tiền vay;

g) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ Đầu tư; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ Đầu tư cho vay đầu tư, tình hình sử dụng vốn ứng cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư;

h) Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định đình chỉ việc cho vay, ứng vốn, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; thu hồi các khoản cho vay, ứng vốn đầu tư trực tiếp trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật;

i) Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, đầu tư vốn nếu xét thấy trái pháp luật và Điều lệ này;

k) Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ Đầu tư được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

l) Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ Đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành;

m) Được tuyển dụng, thuê, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng Bộ máy điều hành và người lao động; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ Đầu tư và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật;

n) Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG III **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ**

Mục 1 **HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ**

Điều 11. Hội đồng quản lý Quỹ

1. HĐQL Quỹ là đại diện của UBND Thành phố, được ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ Đầu tư theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Điều lệ này.

2. HĐQL Quỹ gồm năm (05) thành viên:

a) 01 Chủ tịch HĐQL Quỹ là đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố;

b) 01 Phó Chủ tịch HĐQL Quỹ là đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố;

c) 03 thành viên HĐQL Quỹ là: Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội (làm nhiệm vụ thường trực HĐQL Quỹ); Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Việc thay đổi số lượng, cơ cấu thành viên của HĐQL Quỹ do UBND Thành phố quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQL Quỹ.

4. Nhiệm kỳ của HĐQL Quỹ là năm (05) năm; thành viên HĐQL Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà HĐQL Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì HĐQL Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi HĐQL mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQL Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 37 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định cụ thể tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ Đầu tư; trình UBND Thành phố phương án điều chỉnh vốn Điều lệ của Quỹ Đầu tư để quyết định theo thẩm quyền;

b) Ban hành các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ, bao gồm: Quy chế hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành Quỹ; Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế lao động, tiền lương; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế huy động vốn; Quy chế đầu tư trực tiếp; Quy chế cho vay; Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp; Quy chế quản lý rủi ro; Quy chế quản lý tài sản bảo đảm tiền vay và các quy chế hoạt động, nghiệp vụ khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ;

c) Trình UBND Thành phố quyết định về mức lãi suất cho vay tối thiểu theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

d) Trình UBND Thành phố ban hành danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của Thành phố theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

d) Quyết định đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Quỹ theo phân cấp của UBND Thành phố;

e) Trình UBND Thành phố quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan;

g) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ Đầu tư theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn, cụ thể:

- Quyết định quỹ lương kế hoạch, quyết định quỹ lương thực hiện của người lao động sau khi có ý kiến chấp thuận của UBND Thành phố theo cơ chế tiền lương, tiền thưởng của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn.

- Quyết định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, mức tạm ứng tiền lương, thù lao cho viên chức quản lý; trình UBND Thành phố phê duyệt quỹ lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng hàng năm đối với viên chức quản lý theo cơ chế tiền lương, tiền thưởng của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn.

h) Trình UBND Thành phố phê duyệt báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động; báo cáo tài chính, quyết toán chênh lệch thu chi; mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Quỹ Đầu tư;

i) Trình UBND Thành phố phê duyệt phương thức tổ chức, bộ máy quản lý điều hành Quỹ Đầu tư; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố;

k) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

l) Phê duyệt quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của UBND Thành phố và quy định của pháp luật.

Điều 13. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT Quỹ

1. UBND Thành phố quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên HĐQT Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị và các kiến thức, kinh nghiệm ở những lĩnh vực khác do Thành phố quy định;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định hiện hành;

đ) Không có người liên quan giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ban Kiểm soát, Thủ quỹ tại Quỹ Đầu tư;

e) Không phải là người liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên HĐQT.

3. Thành viên HĐQT Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên HĐQT Quỹ;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

c) Vi phạm nghiêm trọng các Quyết định của UBND Thành phố, Quyết định của HĐQT, các quy chế của Quỹ Đầu tư, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghi hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên HĐQT Quỹ do UBND Thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên HĐQT Quỹ

1. Chủ tịch HĐQT Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thay mặt HĐQT Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ Đầu tư;

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT Quỹ.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT Quỹ theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này;

d) Thay mặt HĐQT Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT Quỹ;

đ) Tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ; có quyền hủy bỏ các Quyết định của Tổng Giám đốc trái với Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT Quỹ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc cho thành viên HĐQT Quỹ thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố.

2. Thành viên của HĐQT Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham dự họp HĐQT Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT Quỹ;

b) Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch HĐQT Quỹ;

c) Yêu cầu Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Quỹ Đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ Đầu tư để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

3. Chủ tịch và thành viên HĐQT Quỹ có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quyết định của UBND Thành phố trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ Đầu tư và UBND Thành phố;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ Đầu tư; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ Đầu tư hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ Đầu tư để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

Điều 15. Chế độ làm việc của HĐQT Quỹ

1. HĐQT Quỹ làm việc theo chế độ tập thể. Họp thường kỳ tối thiểu 03 (ba) tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của HĐQT Quỹ. HĐQT Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ Đầu tư theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc theo đề nghị của Phó Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc Tổng Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng Ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch HĐQT Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của HĐQT Quỹ chỉ có thể có hiệu lực khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT Quỹ tham dự. Thành viên HĐQT Quỹ vắng mặt phải thông báo lý do bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các thành viên HĐQT tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

4. HĐQT Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên HĐQT Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của HĐQT Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên trong HĐQT Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp HĐQT Quỹ. Thành viên HĐQT Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp HĐQT Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và phải được gửi tới tất cả các thành viên của HĐQT, Quỹ Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có tính chất bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ Đầu tư và Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Tổng Giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của UBND Thành phố, Tổng Giám đốc có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ.

Mục 2

BAN KIỂM SOÁT QUỸ

Điều 16. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát có chức năng giúp HĐQT Quỹ và UBND Thành phố thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát việc Quỹ Đầu tư chấp hành các chính sách chế độ theo quy định của pháp luật; các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư; Điều lệ; Nghị quyết, Quyết định của UBND Thành phố và HĐQT Quỹ.

2. Ban Kiểm soát có tối đa không quá ba (03) thành viên, trong đó có một (01) Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát, số lượng thành viên Ban Kiểm soát và chế độ làm việc (chuyên trách hoặc không chuyên trách) do UBND Thành phố quyết định theo đề nghị của HĐQT Quỹ, căn cứ vào quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ Đầu tư.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban Kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định cụ thể tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật; quy chế hoạt động và nghiệp vụ; Điều lệ; Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ và UBND Thành phố. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm chính sách, chế độ theo quy định, Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm thông báo với UBND Thành phố, đồng thời yêu cầu HĐQT Quỹ, Chủ tịch HĐQT và bộ máy quản lý, điều hành Quỹ Đầu tư chấm dứt hành vi vi phạm, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện nhiệm vụ khác do HĐQT Quỹ và UBND Thành phố giao.

3. Ban Kiểm soát có các quyền hạn sau đây:

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ Đầu tư;

b) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban Giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban Kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ Đầu tư cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát. Quỹ Đầu tư

phối hợp với Ban Kiểm soát xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

4. Ban Kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Quyết định, Nghị quyết của UBND Thành phố và HĐQT Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ Đầu tư và UBND Thành phố;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ Đầu tư; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ Đầu tư. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ Đầu tư; không lợi dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ Đầu tư để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho UBND Thành phố về hoạt động của Quỹ Đầu tư theo chế độ quy định;

đ) Các nghĩa vụ khác theo các quy định của UBND Thành phố và HĐQT Quỹ.

Điều 18. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Quỹ

1. Trưởng Ban Kiểm soát do UBND Thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của HĐQT Quỹ. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do HĐQT bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ Đầu tư; không là người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này;

d) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

đ) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban Kiểm soát:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có trình độ đại học trở lên trong các ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực này;

c) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban Kiểm soát trong trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

c) Lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ Đầu tư, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, vi phạm nghiêm trọng các quy chế của Quỹ Đầu tư, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghỉ hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

Mục 3

BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Điều 19. Tổng Giám đốc Quỹ

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ Đầu tư, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ Đầu tư theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ Đầu tư, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Quỹ Đầu tư và các Nghị quyết, Quyết định của UBND Thành phố và HĐQT Quỹ; chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố, HĐQT Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Tổng Giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì Tổng Giám đốc của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Tổng Giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 5 Điều 39 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Đề xuất và trình HĐQT Quỹ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của phê duyệt của HĐQT Quỹ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

3. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do UBND Thành phố, HĐQT Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này.

4. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 17 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5. Ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo phân cấp của HĐQT Quỹ.

6. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ.

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời, phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.

3. Không phải người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Quỹ, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Tổng Giám đốc Quỹ.

4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Thành ủy, UBND Thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 22. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc Quỹ

1. Tổng Giám đốc Quỹ là thành viên của HĐQT Quỹ, do UBND Thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của HĐQT Quỹ.

2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 21 Điều lệ này;

b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do HĐQT Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các Nghị quyết, Quyết định của UBND Thành phố, HĐQT Quỹ, Điều lệ đến mức bị kỷ luật;

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ Đầu tư, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác;

đ) Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ Đầu tư;

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

g) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ này;

h) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

i) Nghi hưu;

k) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của HĐQT Quỹ và UBND Thành phố.

3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc Quỹ do Thành ủy, UBND Thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Phó Tổng Giám đốc và kế toán trưởng

1. Phó Tổng Giám đốc và kế toán trưởng do Tổng Giám đốc Quỹ đề nghị HĐQT Quỹ Đầu tư xem xét, trình UBND Thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

2. Phó Tổng Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong việc điều hành Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ Đầu tư, giúp HĐQT và Tổng Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ Đầu tư theo quy định pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

b) Kế toán trưởng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

4. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại, theo điều kiện, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Thành ủy, UBND Thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật. Việc miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 24. Bộ máy nghiệp vụ

1. Các Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư được UBND Thành phố thành lập, tổ chức lại, giải thể phù hợp với nhiệm vụ được giao trong

từng thời kỳ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT và Tổng Giám đốc giao.

2. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quy mô và các bộ phận trực thuộc các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ do Tổng Giám đốc quyết định phù hợp với nhiệm vụ được giao trong từng thời kỳ.

3. Trưởng, Phó các Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc và chức vụ tương đương trở xuống trong bộ máy nghiệp vụ do Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức của Thành phố và các quy định pháp luật; Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 25. Tuyển dụng, sử dụng lao động

Trên cơ sở biên chế được giao, đề án vị trí việc làm, Quỹ Đầu tư xây dựng kế hoạch tuyển dụng, trình UBND Thành phố phê duyệt để triển khai thực hiện; Xác định các vị trí, chức danh công việc, ký kết hợp đồng làm việc bảo đảm việc tuyển dụng, sử dụng lao động có hiệu quả, gắn với quá trình sắp xếp lao động của Quỹ Đầu tư.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 26. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Chế độ tài chính thực hiện theo cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính ban hành và quy định tại Điều lệ này.

2. Quỹ Đầu tư tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Hàng năm, báo cáo tài chính của Quỹ phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Năm tài chính của Quỹ Đầu tư bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

4. Cơ chế tiền lương, tiền thưởng và xếp hạng doanh nghiệp của Quỹ Đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và các quy định pháp luật liên quan.

5. Kết quả hoạt động và phân phối chênh lệch thu chi theo cơ chế quản lý tài chính Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính ban hành và các Quy chế của Quỹ Đầu tư.

6. Quỹ Đầu tư thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỐ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 27. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ Đầu tư với pháp nhân và cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ Đầu tư được xử lý theo pháp

luật hiện hành.

Điều 28. Tổ chức lại, giải thể

1. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ Đầu tư do UBND Thành phố quyết định theo đề nghị của HĐQT Quỹ.

2. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy quản lý, điều hành của Quỹ Đầu tư do HĐQT Quỹ quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được UBND Thành phố phê duyệt.

**CHƯƠNG VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất, báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, sửa đổi, bổ sung Điều lệ này (nếu cần thiết)/.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

